



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01311

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : SODIUM PERCARBONATE TABLET
Số lượng/ khối lượng : 780 thùng/19.500 kg
Hãng, nước sản xuất : Puyang Shengkai Environmental New Material
Technology Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : HYLXN250206 ngày 06/02/2025
Hóa đơn số : PYK250211F ngày 11/02/2025
Vận đơn số : YMJAI239099578
Ngày sản xuất : 02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 1238/HQ-GDK-TTKN ngày 28/02/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250032970)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, đường Lê Thị Riêng,
phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 18 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 05 tháng 4 năm 2025



Trà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01312

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : SODIUM PERCARBONATE GRANULAR
Số lượng/ khối lượng : 1.080 bao/27.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Puyang Shengkai Environmental New Material
Technology Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : HYLXN250206 ngày 06/02/2025
Hóa đơn số : PYK250211F ngày 11/02/2025
Vận đơn số : YMJAI239099578
Ngày sản xuất : 02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 1238/HQ-GDK-TTKN ngày 28/02/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250032970)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, đường Lê Thị Riêng,
phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận

Số: 18 /QĐ-TTKN-CNKN

Ngày 05 tháng 4 năm 2025



Hà Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

ĐT: 024 37246077; Fax: 024 37246078;

Website: <http://tt3k.tongcucthuysan.gov.vn>; Email: 3k.tcts@mard.gov.vn

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số báo cáo: BNNPTNT29250032970

1	Sản phẩm thử nghiệm	SODIUM PERCARBONATE TABLET	SODIUM PERCARBONATE GRANULAR
2	Tên cơ sở sản xuất	PUYANG SHENGKAI ENVIRONMENTAL NEW MATERIAL TECHNOLOGY CO.,LTD (CHINA)	
3	Tên cơ sở nhập khẩu	CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q	
4	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận	Thử nghiệm theo QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1	Thử nghiệm theo QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT tại Mục 2.1 bảng 1

5 Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

Đánh giá chỉ tiêu an toàn thử nghiệm:						
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu			Mức yêu cầu	Đánh giá
		Số	Tên phòng thử nghiệm	Kết quả thử		
Kết quả thử nghiệm mẫu: SODIUM PERCARBONATE TABLET (0325381/HQV2)						
1	Asen (As) (mg/kg)	3242	ASTAC	0,15	≤ 5	Phù hợp
2	Chì (Pb) (mg/kg)	2025		0,94	≤ 30	Phù hợp
Kết quả thử nghiệm mẫu: SODIUM PERCARBONATE GRANULAR (0325382/HQV2)						
1	Asen (As) (mg/kg)	3243	ASTAC	Kết	≤ 5	Phù hợp
2	Chì (Pb) (mg/kg)	2025		<0,6	≤ 30	Phù hợp

6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

- ☒ Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.
- ☐ Chỉ tiêu thử nghiệm không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.
- ☐ Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn kiến nghị không chứng nhận.
- ☐ Kiến nghị (Nếu có):

Ngày: 04/04/2025

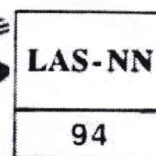
Chuyên gia đánh giá:

Phạm Hồng Quân



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 850 / 2025

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A, Pasteur, P. Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1	0325381/HQV2	Hóa chất xử lý môi trường thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg)	QCVN 02-32-1: 2019/BNNPTNT (Mục 2.1 bảng 1)	
2	0325382/HQV2	Hóa chất xử lý môi trường thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg)	QCVN 02-32-1: 2019/BNNPTNT (Mục 2.1 bảng 1)	

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

**Người gửi mẫu/
Customer**

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 8/5/2025

Ngày dự kiến trả kết quả/ Expected date of issue: 11/5/2025

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/ note:

**Người nhận
mẫu/
Recipient**

Nguyễn Ngọc Ánh

BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	MÃ SỐ MẪU	QUY CHUẨN ÁP DỤNG	TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q 27/03/2025	0325381/HQV2	QCVN 02 - 32 - 1: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	SODIUM PERCARBONATE TABLET Asen (As) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg)	BNNPTNT 29250032970
	0325382/HQV2	QCVN 02 - 32 - 1: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	SODIUM PERCARBONATE GRANULAR Asen (As) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg)	

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

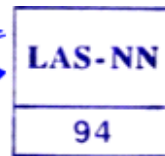
2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

Gửi mẫu			Phòng thử nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ giờ, ngày .../.../....)		
Bùi Trọng Đoàn	ASTAC 2	17h30 ngày 27/03/2025	ASTAC 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3242/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 85025031191

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/03/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 31/03/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0325381/HQV2	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 8900-9:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	0,94	TCVN 8900-7:2012

Cần Thơ, ngày/date: 03/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

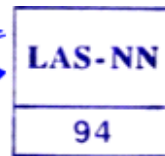
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3243/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 85025031192
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/03/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 31/03/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0325382/HQV2	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 8900-9:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 8900-7:2012

Cần Thơ, ngày/date: 03/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.